Số: 1413/SCT-TTKC&XTTM
Thời gian ký: 2026-04-29T17:26:06+07:00

**PHỤ LỤC 3: MẪU PHIẾU TÓM TẮT THÔNG TIN ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH KHUYẾN CÔNG NĂM 2027**

*(Kèm theo Công văn số /SCT-TTKC&XTTM ngày / /2026 của Sở Công Thương Đắk Lắk)*

**TÊN ĐƠN VỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*……, ngày…..tháng…..năm 2026*

**PHIẾU TÓM TẮT THÔNG TIN**
**ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH KHUYẾN CÔNG NĂM 2027**

**Tên đề án:** Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất …… (Hỗ trợ máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất ……)

**1. Thông tin đề án:**

a) Đơn vị xin hỗ trợ:

- Tên đơn vị: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: .....
- Đại diện : ……Chức vụ: .....
- Tài khoản số:…… Tại Ngân hàng: .....
- Mã số thuế: .....
- Giấy phép đăng ký kinh doanh số : …… (Đăng ký thay đổi lại lần thứ ……) ngày …….. tháng ….. năm ….., do ……. cấp.
- Vốn điều lệ: ……. đồng (Bằng chữ: ……).
- Ngành nghề kinh doanh: .....
- Tổng số lao động: …… người.
- Số lao động tham gia bảo hiểm: ……người.

b) Địa điểm thực hiện đề án:……..

c) Thời gian thực hiện đề án:……..

**2. Sự cần thiết và căn cứ lập đề án**

a) Tình hình chung:

*Thống kê số liệu về tình hình có liên quan đến sản phẩm theo đề án: Nguyên liệu phục vụ sản xuất, nhu cầu thị trường ….*

b) Sự cần thiết của đề án:

*Nêu rõ sự cần thiết đầu tư máy móc thiết bị tại cơ sở (mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới công nghệ để nâng cao công suất chất lượng sản phẩm ....)*

c) Căn cứ lập đề án:

Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/05/2012 của Chính phủ về khuyến công; Nghị định 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2025 của Chính phủ về khuyến công;

Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017 của Bộ Công Thương);

Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 64/2024/TT-BTC, ngày 28/8/2024 Bộ Tài chính);

Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND, ngày 16/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc Ban hành Quy định về tổ chức thực hiện và quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Quyết định số 01231/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc áp dụng bãi bỏ các quyết định quy phạm pháp luật trong lĩnh vực công thương do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (cũ) ban hành trước sắp xếp tỉnh;

Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 08/01/2026 của UBND tỉnh Đắk về việc phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2030.

**3. Mục tiêu của đề án:**

*Mở rộng sản xuất hoặc đầu tư mới; Nêu rõ việc hỗ trợ máy móc thiết bị để sản xuất ra sản phẩm gì đáp ứng được quy mô công suất là bao nhiêu, chất lượng sản phẩm sau sản xuất ra sao (tính cạnh tranh, giảm giá thành, nhu cầu thị trường ....)*

**4. Quy mô đề án:**

4.1 Hình thức đầu tư: Mới 100% *(đầu tư mới hoặc bổ sung máy móc thiết bị vào dây chuyền đang có)* .....

4.2 Quy mô sản xuất:…….nguyên liệu/năm.

4.3 Sản phẩm: *Thông tin về quy cách sản phẩm được sản xuất theo dây chuyền máy móc thiết bị xin hỗ trợ* .....

4.4 Đặc điểm vượt trội của đề án sau khi được hỗ trợ:

4.5 Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm:

a) Sơ đồ quy trình sản xuất:

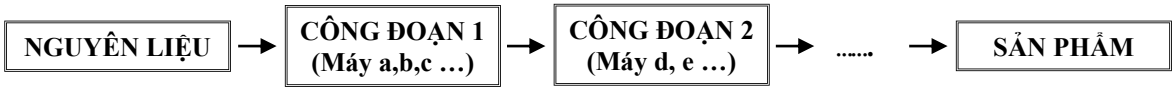


b) Thuyết minh quy trình: *Nêu rõ máy móc thiết bị được trang bị trong mỗi công đoạn sản xuất, nêu rõ đặc điểm vượt trội của máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ tạo ra sản phẩm mới hoặc có phân tích cụ thể các yếu tố định tính, định lượng của máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ mới so với máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ hiện cơ sở đang sử dụng*.....

4.6 Danh mục máy móc thiết bị đã có (trong quy trình sản xuất):

| TT | Tên máy móc thiết bị | Số lượng | Thông số kỹ thuật cơ bản | Hiện trạng | Xuất xứ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | ……. | | - Model: …….<br>- Công suất sản xuất:……<br>- Công suất điện:…….. | Đang sử dụng | …. |
| 2 | ……. | | - Model: …….<br>- Công suất sản xuất:……<br>- Công suất điện:…….. | Đang sử dụng | …. |
| … | ……. | | …… | ……. | ……. |

4.7 Nhà xưởng *(xây mới hoặc đã có):* Nhà xưởng đã xây dựng, đang xây dựng có kết cấu …....., diện tích bao nhiêu ? .....

4.8 Danh mục máy móc thiết bị lựa chọn hỗ trợ *(chọn một hoặc nhiều máy trong quy trình sản xuất):*

| TT | Tên máy móc thiết bị | Số lượng | Thông số kỹ thuật cơ bản | Hiện trạng | Xuất xứ | Giá (triệu) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | ……..… | ….. | - Model: …….<br>- Công suất sản xuất:……<br>- Công suất điện:…….. | Mới 100% | | …… |
| 2 | ……..… | ….. | - Model: …….<br>- Công suất sản xuất:……<br>- Công suất điện:…….. | Mới 100% | | …… |
| … | ……..… | ….. | ……. | ….. | …. | …… |

**5. Kinh phí thực hiện đề án:**

Tổng kinh phí:……đồng *(Bằng chữ:……..)*

Trong đó:

- Kinh phí khuyến công năm 2027 hỗ trợ: ……..… đồng.
- Kinh phí đóng góp của đơn vị đầu tư: …… đồng.

**8. Hiệu quả của đề án:**

8.1 Hiệu quả về kinh tế:

Tính toán hiệu quả kinh tế cho việc đầu tư máy móc thiết bị sản xuất ra sản phẩm với quy mô sản xuất theo đề án

- Chi phí để sản xuất trong 01 tháng

+ Chi phí nguyên vật liệu:

| TT | Nguyên liệu | Số lượng (kg) | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | - | | | | |
| 2 | - | | | | |
| 3 | - | | | | |
| **Tổng** | | | | | |

+ Các khoản chi phí khác:

| TT | Các khoản khác | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tiền điện | | | | |
| 2 | Nhân công | | | | |
| 3 | Gia công bao bì | | | | |
| 4 | Tiền thuế tháng | | | | |
| 5 | Khấu hao máy móc sản xuất | | | | |
| 6 | Nhân viên thị trường | | | | |
| 7 | Chi phí vận chuyển | | | | |
| 8 | ……. | | | | |

| | | |
|---|---|---|
| **Tổng** | | |

+ Tổng chi phí sản xuất trong 01 tháng : chi phí nguyên vật liệu + chi phí khác = …….. đồng.

- Doanh thu trong 01 tháng: Cứ 10 kg nguyên liệu sẽ cho ra ……kg sản phẩm. Với quy mô sản xuất theo đề án sẽ cho ra ….kg sản phẩm.

| | | |
|---|---|---|
| + Giá bán bình quân: | = | …….. đồng/SP |
| + Doanh thu trong 01 tháng: ……. sản phẩm x …… đồng/sản phẩm | = | …….. đồng/tháng |
| - Lợi nhuận trong 01 tháng: Doanh thu – Chi phí | = | …….. đồng/tháng |
| - Lợi nhuận 01 năm: Lợi nhuận/tháng x 12 tháng | = | …….. đồng/năm |
| - Thời gian hoàn vốn đầu tư: Lợi nhuận/năm : Chi phí đầu tư | ≈ | …….. năm |

**Kết luận:** Đầu tư máy móc thiết bị …… với quy mô sản xuất ……../…….. thì sau …….. năm sẽ hoàn vốn đầu tư mua sắm.

8.2 Hiệu quả về kinh tế xã hội:

a) Về địa phương:

Đề án được triển khai góp phần phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương trong lĩnh vực sản xuất …….. góp phần nâng giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn ……..

b) Về phía lao động tại chỗ:

Tạo việc làm thường xuyên cho …….. lao động cơ sở với thu nhập bình quân …….. đồng/tháng. Lao động có điều kiện làm việc trên các trang thiết bị đảm bảo phát huy tay nghề theo năng lực.

c) Về phía môi trường:

Đơn vị xin hỗ trợ ……. có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường với UBND xã/phường …….

Với sự cần thiết, mục tiêu và hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường đã nêu trên, việc triển khai thực hiện đề án là cần thiết trong tình hình hiện nay, góp phần phát triển công nghiệp trên địa bàn …….. nói riêng và toàn tỉnh Đắk Lắk nói chung.

Chúng tôi xin cam kết các hạng mục xin hỗ trợ trên hiện chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước, cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án sau khi trừ đi số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ và chấp hành đúng các quy định hiện hành.

*……, ngày tháng …. năm 20…*

**[ĐƠN VỊ]**